

Sao kê chi tiết từ **31/03/2016** đến **31/03/2016**

From date To date

Mã khách hàng :**99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Tên tài khoản : **TRUONG DHL HN-TK CHUYEN THU-VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819998** Số cũ: 41201200034697049999

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **01/04/2016**

Printing date

Ngày giao dịch <i>Txn. date</i>	Ngày hiệu lực <i>Value date</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Số giao dịch <i>Txn. No</i>	Ghi nợ <i>Debit</i>	Ghi có <i>Credit</i>	Số dư <i>Balance</i>
Số dư đầu kỳ Opening Balance				885,372,610.00		
31/03/2016	31/03/2016	HO VA TEN SV: HOANG KY ANHMSSV: 380506~NC:HOANG KY ANH - Nguoi chuyen: HOANG KY ANH	001CTD1160910005		3,420,000.00	888,792,610.00
31/03/2016	31/03/2016	BUI THI MAI LINH MSSV 370940 NOP TIEN~NC:DO THI THUY HOAN - Nguoi chuyen: DO THI THUY HOAN	001CTD1160910041		360,000.00	889,152,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN THI THUY MSSV 372524 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160910002		1,800,000.00	890,952,610.00
31/03/2016	31/03/2016	SV PHUNG VU HIEP MA SV 380567 NT HOC PHI HOC PHI HOC KY 2 N 2015 2016 ~NC:NGUYEN HAI NINH - Nguoi chuyen: NGUYEN HAI NINH	001CTD1160910103		4,141,000.00	895,093,610.00
31/03/2016	31/03/2016	SV PHAM THI NHUNG MSV 390201 NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 2015 2016 ~NC:01632583633 - Nguoi chuyen: 01632583633	001CTD1160910104		3,600,000.00	898,693,610.00
31/03/2016	31/03/2016	CT 01357002 NHTMCP Bưu dien Lien Viet-CN Dong Do Vuong Thi Ngoc Diep_MSSV 392747_Hoc phi ky 2 nam 2~NC:VUONG TUAN ANH - Nguoi chuyen: VUONG TUAN ANH	001CTD1160910135		2,880,000.00	901,573,610.00
31/03/2016	31/03/2016	HO VA TEN SINH VIEN: LE HUYEN ANH MSV 390136~NC:LE THI HUONG - Nguoi chuyen: LE THI HUONG	001CTD1160910151		3,780,000.00	905,353,610.00
31/03/2016	31/03/2016	CAO THUY LINH MSSV 372627 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910003		1,800,000.00	907,153,610.00
31/03/2016	31/03/2016	HOANG HONG GIANG MSV: 371504 NT HP	120NT01160910004		3,060,000.00	910,213,610.00
31/03/2016	31/03/2016	PHAM THAO NGUYEN MSSV 372664 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910004		1,800,000.00	912,013,610.00
31/03/2016	31/03/2016	HOANG NGHIA TRUNG MSV: 370232 NT HK II, 2015-2016	120NT01160910005		1,080,000.00	913,093,610.00

31/03/2016	31/03/2016	VU THI MINH MSV: 372827 NT HP	120NT01160910006		1,800,000.00	914,893,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN THI THU HUONG MSV: 372822 NT HP	120NT01160910007		1,800,000.00	916,693,610.00
31/03/2016	31/03/2016	LUC THI LIEU MSV: 372820 NT HP	120NT01160910008		1,800,000.00	918,493,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN THI THUY DUNG MSV: 371348 NT HP	120NT01160910009		900,000.00	919,393,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN QUYNH TRANG-MSSV:372324. NOP TIEN HOC PHI KY II NAM 2015-2016	120NT01160910012		1,800,000.00	921,193,610.00
31/03/2016	31/03/2016	DUONG THI LE. MSSV:370205.NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160910014		1,800,000.00	922,993,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN MANH HONG. MSSV:372461. NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910015		1,800,000.00	924,793,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN DINH THI LINH.MSSV:380537 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910016		3,420,000.00	928,213,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN HONG ANH.MSSV:372458 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910017		1,800,000.00	930,013,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN THU THUY.MSSV:380544.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910020		3,420,000.00	933,433,610.00
31/03/2016	31/03/2016	PHAM NGOC MINH CHAU.MSSV: 390956.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910021		3,240,000.00	936,673,610.00
31/03/2016	31/03/2016	LY NGUYEN THU THUY: MSSV:370126.NOP TIEN HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160910022		900,000.00	937,573,610.00
31/03/2016	31/03/2016	PHAN THI HUYEN.MSSV:371461. NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910023		900,000.00	938,473,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN THI HAI YEN.MSSV:371456.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910024		900,000.00	939,373,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN MINH HA.MSSV:372734 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910025		1,800,000.00	941,173,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRUONG MAI SON.MA SINH VIEN:380408.NOP TIEN HOC PHI KY II.NAM HOC 2015-2016	120NT01160910026		3,240,000.00	944,413,610.00
31/03/2016	31/03/2016	CT SV: CAO MINH DUC MA SO SV: 390839 LOP 3908~NC:NGUYEN THI THEM - Nguoi chuyen: NGUYEN THI THEM	001CTD1160910374		3,240,000.00	947,653,610.00
31/03/2016	31/03/2016	luong hanh trang - 372117~NC:nguyen thi cam tu - Nguoi chuyen: nguyen thi cam tu	001CTD1160910383		1,800,000.00	949,453,610.00
31/03/2016	31/03/2016	LE VAN HONG NOP TIEN HOC PHI KY 2 NAM 2015-2016 CHO SINH VIEN LE THI THANH PHUONG MA SV 392636	290NT02160910002		2,160,000.00	951,613,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NOP HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016- HO TEN : DO CONG UY- MA SINH VIEN : 391750	103CT01160910003		3,420,000.00	955,033,610.00

31/03/2016	31/03/2016	NoP HoC Phi SV Glap MINH HUYEN. MSV 392311 LoP CLC~NC:DAM THI THUY TOAN - Nguoi chuyen: DAM THI THUY TOAN	001CTD1160910415		14,040,000.00	969,073,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TC:VNCN58763.Ho va ten : Vu Ha Phan, msv: 390265~NC:VU VAN LONG - Nguoi chuyen: VU VAN LONG	001CTD1160910418		3,240,000.00	972,313,610.00
31/03/2016	31/03/2016	DINH THI THANH, NOP HOC PHI MA LOP 3805 MA SV 380525~NC:DINH THI THANH - Nguoi chuyen: DINH THI THANH	001CTD1160910421		3,420,000.00	975,733,610.00
31/03/2016	31/03/2016	PHAN THU TRANG MSSV 392167 NT HOC PHI	120NT01160910029		3,240,000.00	978,973,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN HONG HANH MSV 391059 SDT 0963926016 NT HOC PHI KI II NAM 2015-2016	310NT02160910002		3,240,000.00	982,213,610.00
31/03/2016	31/03/2016	PHAM QUYNH HOA THUY MSSV 372111 NT HOC PHI	120NT01160910030		1,800,000.00	984,013,610.00
31/03/2016	31/03/2016	MA THI PHUONG LAN MSSV 372409 NT HOC PHI	120NT01160910031		1,800,000.00	985,813,610.00
31/03/2016	31/03/2016	DOAN VAN QUYET 380922 NT	120NT01160910032		3,780,000.00	989,593,610.00
31/03/2016	31/03/2016	VU THI HOAI THU NOP HOC PHI KY II 2015-2016 MSSV: 372501 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01160910010		1,800,000.00	991,393,610.00
31/03/2016	31/03/2016	LE QUYNH ANH MSV: 391063 NT HP KII 2015-2016	120NT01160910033		2,520,000.00	993,913,610.00
31/03/2016	31/03/2016	LY MAI HOA MSSV 370109 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910010		1,260,000.00	995,173,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN THI LINH GIANG MSV: 381946 LOP 19 NOP HOC PHI 20 TIN HOC KY II NAM 2015-2016	320NT02160910003		3,600,000.00	998,773,610.00
31/03/2016	31/03/2016	LE THI TRANG MSSV 390930 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910013		2,880,000.00	1,001,653,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TA THI THAO MSSV 390923 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910014		2,880,000.00	1,004,533,610.00
31/03/2016	31/03/2016	CAO THI KIM ANH MSSV 392840 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910015		2,880,000.00	1,007,413,610.00
31/03/2016	31/03/2016	CAO THI CHAM ANH MSSV 392872 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910016		2,880,000.00	1,010,293,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN THI HUONG LAN MSSV 372303 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160910018		1,800,000.00	1,012,093,610.00
31/03/2016	31/03/2016	BUI THI THANH HUYEN MSSV 370104 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160910019		900,000.00	1,012,993,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN THI HONG LY MSV: 393022 NT HP	120NT01160910035		3,060,000.00	1,016,053,610.00
31/03/2016	31/03/2016	DO THI THU AN MSV: 393014 NT HP	120NT01160910036		3,060,000.00	1,019,113,610.00
31/03/2016	31/03/2016	BUI MAI HUONG MSSV 390764 NOP TIEN HOC PHI: 3.240.000 Đ	120NT01160910037		3,240,000.00	1,022,353,610.00
31/03/2016	31/03/2016	LY HUONG LINH MSSV 390303 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910020		3,060,000.00	1,025,413,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN THANH TUNG MSSV 362059 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910038		5,000,000.00	1,030,413,610.00
31/03/2016	31/03/2016	VUONG THI GAI MSSV 381963 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910039		3,600,000.00	1,034,013,610.00

31/03/2016	31/03/2016	HOANG THI HIEN MSSV 391732 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160910040		3,600,000.00	1,037,613,610.00
31/03/2016	31/03/2016	VU SEO HOA MSSV 400141 NT HOC PHI	120CT01160910002		4,500,000.00	1,042,113,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN VAN NHAT MSSV 400117 NT HOC PHI	120CT01160910003		4,860,000.00	1,046,973,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN TUYET NHI MSSV 391453 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910021		3,060,000.00	1,050,033,610.00
31/03/2016	31/03/2016	HOANG THI GAM MSSV 371558 NT HOC PHI KI 2	105NT01160910022		1,080,000.00	1,051,113,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN MINH TUAN MSSV 381043 NT HOC PHI	120NT01160910041		3,420,000.00	1,054,533,610.00
31/03/2016	31/03/2016	VU THI HOAI THUONG MSSV 381050 NT HOC PHI	120NT01160910042		3,600,000.00	1,058,133,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN THI NGOC ANH MSSV: 372828 NOP HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015 - 2016 CHO TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI	101NT01160910011		1,800,000.00	1,059,933,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRUONG THI VANG MSSV 372804 NT HOC PHI	120NT01160910045		1,800,000.00	1,061,733,610.00
31/03/2016	31/03/2016	PHI CONG MINH MSSV 372547 KHOA 37 NOP HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160910046		1,800,000.00	1,063,533,610.00
31/03/2016	31/03/2016	HOANG THU HUONG MSV 401749 NOP HOC PHI KI II	120CT01160910004		4,860,000.00	1,068,393,610.00
31/03/2016	31/03/2016	DANG THI PHUONG LAN MSSV 391519 NT HOC PHI	120NT01160910047		3,060,000.00	1,071,453,610.00
31/03/2016	31/03/2016	VU HOANG DUNG MSV 372152 NT HOC PHI	120NT01160910048		3,060,000.00	1,074,513,610.00
31/03/2016	31/03/2016	TRAN QUANG HUY MSSV 392145 NT HOC PHI	120NT01160910049		2,880,000.00	1,077,393,610.00
31/03/2016	31/03/2016	NGUYEN THI PHUONG HOA LOP 3924 MSV 392469 NT HOC PHI	120NT01160910050		1,440,000.00	1,078,833,610.00
31/03/2016	31/03/2016	Nop hoc phi (dao Duy hai) - MSSV 371928~NC:DAO THI HOA - Nguoi chuyen: DAO THI HOA	001CTD1160910754		2,700,000.00	1,081,533,610.00
31/03/2016	31/03/2016	SV:VU THI HUYEN TRANG MSSV :350635 NOHOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016 10 TIN CHI	101NT01160910012		1,800,000.00	1,083,333,610.00
31/03/2016	31/03/2016	PHAN THI MAI PHUONG MSSV 370101 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160910023		360,000.00	1,083,693,610.00
31/03/2016	01/04/2016	THANH TOAN LAI	120VCARVND 00001		518,859.00	1,084,212,469.00
Cộng doanh số Total					198,839,859.00	
Số dư cuối kỳ Ending Balance						1,084,212,469.00

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bằng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bằng sao kê.

Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát